

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2022

“V/v Tranh chấp xin ly hôn  
và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Hồng Cúc

Ông Trịnh Hoàng Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2022/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Chúc L - sinh năm: 1992. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

*-Bị đơn:* Anh Lâm Văn L1 - Sinh năm: 1993. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày: Chị và anh L1 tự tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, không có

sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, anh chị đã sống L thân từ tháng 09 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh L1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Kim L2- sinh ngày: 13/7/2012 và Lâm Vũ L3 - sinh ngày: 09/6/2015. Nếu các con có nguyện vọng chung sống với chị thì chị đồng ý nuôi con và không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu L2 và cháu L3 muốn sống với anh L1 và gia đình bên nội thì chị cũng thống nhất.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L1 để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L1 không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân, chị L yêu cầu ly hôn với anh L1, anh L1 không trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh chị đã L thân trong thời gian dài. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với anh Lâm Văn L1. Về con chung, có 02 con chung tên Lâm Kim L2 - sinh ngày: 13/7/2012 và Lâm Vũ L3 - sinh ngày: 09/6/2015. Cháu L2 và cháu L2 đều trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn chung sống với chị L, chị L đồng ý nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Chúc L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Lâm Văn L1. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Chị L có đơn xin vắng mặt do bận làm ăn xa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh L1 đã tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống, L thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Anh L1 đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng lớn. Quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với anh Lâm Văn L1.

[2.2] Về con chung: Theo chị L trình bày và Giấy khai sinh có cơ sở xác định quá trình chung sống chị L và anh L1 có 02 con chung tên Lâm Kim L2 - sinh ngày: 13/7/2012 và Lâm Vũ L3 - sinh ngày: 09/6/2015. Hiện cháu L2 và L3 đang chung sống với chị L, các cháu đều trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị L. Chị L đồng ý tiếp tục nuôi 02 cháu. Xét thấy các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển tốt, chị L đảm bảo điều kiện chăm

sóc và nuôi dưỡng nuôi 02 cháu, chị L không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Anh L1 không ý kiến tranh chấp. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến về con chung của chị L là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao 02 cháu Liễu và Luân cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí L hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên L1 thu tiền số 0008651 ngày 01/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với anh Lâm Văn L1.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lâm Kim L2- sinh ngày: 13/7/2012 và Lâm Vũ L3 - sinh ngày: 09/6/2015 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên

L1 thu tiền số 0008651 ngày 01/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thúy An**